TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Lịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Ngọc Minh

Ông Nguyễn Văn Quyền

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh CHEN Y C, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: số 35, hẻm 588, đoạn 2, lộ Văn Xương, khóm 009, phường Vĩnh Thuận, khu Đại Thộ, thành phố Trung Đài, Đài Loan.

Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp MH, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

(Anh C, chị H vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/10/2017 nguyên đơn anh CHEN YI C trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Ngọc H qua sự giới thiệu của người thân và tìm hiểu nhau, anh chị thống nhất đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 12/01/2017. Thời gian đầu, vợ chồng cố gắn tìm hiểu để có hạnh phúc, anh cũng thường xuyên về Việt Nam để thăm chị H, nhưng khi làm thủ tục bảo lãnh chị H sang Đài Loan thì giữa anh và chị Huyền phát sinh mâu thuẩn không thể hàn gắn được.

Nay anh nhận thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc và không thể kéo dài. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và văn bản trình bày ý kiến ngày 10/5/2018, bị đơn chị Trần Thị Ngọc H đồng ý theo lời trình bày và yêu cầu của anh CHEN Y C đưa ra. Đồng thời chị cũng có đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh CHEN Y C có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt anh, văn bản này được Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Đài Bắc chứng nhận hợp thức hóa lãnh sự, nên đảm bảo về mặt pháp lý. Đồng thời bị đơn chị Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án. Vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả anh CHEN Y C và chị Trần Thị Ngọc H vắng mặt nhưng cũng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và thực hiện thủ tục phiên tòa theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, hôn nhân giữa anh CHEN Y C và chị Trần Thị Ngọc H tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh C thấy rằng, anh Cvà chị H sau khi kết hôn có thời gian chung sống không dài, thì đã phát sinh bất đồng, anh C trở về Đài Loan, vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H không đảm bảo về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh C và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hơn nữa cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C đối với chị H.

Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về án phí: anh CHEN Y C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh CHEN Y C.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh CHEN Y C được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh CHEN Y C phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0009246 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Anh CHEN Y C đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử vắng mặt các đương sự CHEN Y C và Trần Thị Ngọc H, báo cho các đương sự CHEN Y C và Trần Thị Ngọc H biết là có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND huyện U Minh Thượng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Võ Văn Lịnh